CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)
Q3 năm 2010

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**201,591,882,748**	**482,773,085,196**
2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**02**		**152,866,939**	**597,742,588**
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**201,439,015,809**	**482,175,342,608**
4.	**Giá vốn hàng bán**	**11**	**6.2**	**131,951,744,828**	**342,112,528,557**
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**69,487,270,981**	**140,062,814,051**
6.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**21**	**6.3**	**3,508,962,803**	**8,370,235,594**
7.	**Chi phí tài chính**	**22**	**6.4**	**7,506,784,291**	**26,353,084,491**
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,599,124,693	17,344,333,501
8.	**Chi phí bán hàng**	**24**		**12,614,198,462**	**29,885,050,954**
9.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**25**		**5,377,728,559**	**16,662,661,271**
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**47,497,522,472**	**75,532,252,929**
11.	**Thu nhập khác**	**31**		**860,216,903**	**2,154,737,402**
12.	**Chi phí khác**	**32**		**18,125,241**	**197,635,788**
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**842,091,662**	**1,957,101,614**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**48,339,614,134**	**77,489,354,543**
15.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**51**		**6,225,678,823**	**6,225,678,823**
16.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	**52**		**-**	**-**
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**42,113,935,311**	**71,263,675,720**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**			

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Đặng Thị Xuê	Hoà Thị Thu Hà	Phạm Ánh Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**284,819,948,239**	**182,826,255,765**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**24,076,228,226**	**37,821,764,375**
1.	Tiền	111		24,076,228,226	37,821,764,375
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**-**	**-**
1.	Đầu tư ngắn hạn	121			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
					-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**173,336,439,478**	**84,576,400,271**
1.	Phải thu khách hàng	131		108,778,317,073	47,669,097,498
2.	Trả trước cho người bán	132		63,556,246,805	35,853,593,761
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135		1,070,901,732	1,122,735,144
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(69,026,132)	(69,026,132)
					-
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**72,110,350,203**	**48,690,499,468**
1.	Hàng tồn kho	141	V.2	72,110,350,203	48,690,499,468
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
					-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**15,296,930,332**	**11,737,591,651**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,218,653,213	3,677,305,857
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,963,313,024	489,001,160
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	636,336,437
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		8,114,964,095	6,934,948,197
					-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**312,980,495,255**	**253,024,570,063**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**241,229,497,739**	**210,278,501,824**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	233,595,446,577	202,398,726,706
	Nguyên giá	*222*		274,285,092,870	224,354,028,764
	Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(40,689,646,293)	(21,955,302,058)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	*225*		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.4	7,634,051,162	7,879,775,118
	Nguyên giá	*228*		8,158,030,564	8,158,030,564
	Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(523,979,402)	(278,255,446)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III.	**Bất động sản đầu tư**	**240**		**-**	**-**
	Nguyên giá	241		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**66,280,000,000**	**39,000,000,000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		66,280,000,000	39,000,000,000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**5,470,997,516**	**3,746,068,239**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		5,470,997,516	3,746,068,239
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**597,800,443,494**	**435,850,825,828**
				-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**287,479,530,948**	**314,823,883,480**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**183,731,342,190**	**187,535,370,022**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.5	100,160,808,905	143,428,258,206
2.	Phải trả người bán	312		64,554,324,402	28,231,006,562
3.	Người mua trả tiền trước	313		4,427,225,978	4,815,756,714
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5,637,055,368	88,650,896
5.	Phải trả người lao động	315		2,290,466,952	1,934,603,170
6.	Chi phí phải trả	316		1,530,000,000	4,320,000,000
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.6	5,027,951,055	4,136,356,492
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		103,509,530	580,737,982
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**103,748,188,758**	**127,288,513,458**
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.7	103,650,734,740	127,188,734,740
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		97,454,018	99,778,718
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**310,320,912,546**	**121,026,942,348**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**310,320,912,546**	**121,026,942,348**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99,000,000,000	66,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		107,100,000,000	18,000,000,000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(1,802,432,110)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		3,837,595,577	694,254,833
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		3,837,595,577	747,601,940
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3,589,981,409	(335,234,665)
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		92,955,739,983	37,722,752,350
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
2.	Nguồn kinh phí	432		-	-
3.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**597,800,443,494**	**435,850,825,828**
				-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hải Dương, ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
_____	_____	_____
Đặng Thị Xuê	**Hòa Thị Thu Hà**	**Phạm Ánh Dương**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Q3/2010

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	**48,339,614,134**	***77,489,354,543***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	6,956,461,728	19,486,990,024
-	Các khoản dự phòng	03	-	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2,299,403,650
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2,448,975,228)	
-	Chi phí lãi vay	06	4,599,124,693	17,345,626,574
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***57,446,225,327***	***116,621,374,791***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7,842,146,116	(88,760,039,207)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23,419,850,735)	(23,419,850,735)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(40,930,025,567)	(3,804,027,832)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(4,216,624,693)	(14,668,126,574)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	33,961,988,810	33,136,919,221
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***30,683,859,258***	***19,106,249,664***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15,421,472,719)	(51,369,790,879)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	20,112,356	420,112,356
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(4,520,000,000)	(27,280,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(19,921,360,363)***	***(78,229,678,523)***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		122,100,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ MTX AN PHÁT
Lô CN 11+CN 12 Cụm công nghiệp An Đồng, Nam Sách, Hải Dương
Điện thoại: 0320.3755998 Fax: 0320.3755113

	cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	112,890,825,993	302,624,205,706
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(104,704,359,971)	(372,746,312,996)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	6,600,000,000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***8,186,466,022***	***45,377,892,710***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**18,948,964,917**	**(13,745,536,149)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5,290,553,768**	**37,821,764,375**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(163,290,459)	
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**24,076,228,226**	**24,076,228,226**
			-	**-**

Hải Dương ngày 30 tháng 09 năm 2010

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
_____	_____	_____
Đặng Thị Xuê	**Hòa Thị Thu Hà**	**Phạm Ánh Dương**